

Số: 1903918

|                                                | Kia New Seltos 1.5 Turbo Luxury | Kia New Sonet 1.5 Premium |
|------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>714.000.000đ</b>             | <b>624.000.000đ</b>       |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                 |                           |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4365 x 1800 x 1645              | 4120 x 1790 x 1642        |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2610                            | 2500                      |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                            | 5300                      |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 190                             | 205                       |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1310                            | 1095                      |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1760                            | 1580                      |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 433                             | 392                       |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 50                              | 45                        |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                               | 5                         |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                | SX-LR trong nước          |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                 |                           |
| Loại động cơ                                   | Smartstream 1.5 Turbo           | Smartstream 1.5L          |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1497                            | 1497                      |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 158Hp/ 5.500 rpm                | 113 / 6300                |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 253 Nm/ 1.500 - 3.500 rpm       | 144 / 4500                |
| Hộp số                                         | 7DCT                            | CVT                       |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                 | Cầu trước (FWD)           |
| Hệ thống treo trước                            | McPherson                       | MacPherson                |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh cân bằng                  | Thanh xoắn                |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                             | Đĩa                       |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                             | Tang trống                |
| Thông số lốp xe                                | 215/60 R17                      | 215/60 R16                |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | n/a                             | 7.23                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | n/a                             | 5.51                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | n/a                             | 6.12                      |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                               |                           |
| Chế độ lái                                     | Normal/Eco/Sport                | Normal/Eco/Sport          |
| Chế độ địa hình                                | Snow/Mud/Sand                   | Snow/Mud/Sand             |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                 |                           |
| Cụm đèn trước                                  | LED                             | LED                       |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                               | ●                         |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                               |                           |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | -                               |                           |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                               |                           |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                               | ●                         |
| Đèn sương mù                                   | LED                             | LED                       |
| Cụm đèn sau                                    | LED                             | LED                       |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                               | ●                         |
| Gạt mưa tự động                                | -                               |                           |
| Cửa sổ trời                                    | ●                               | ●                         |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                                 |                           |

|                                      |                                |              |
|--------------------------------------|--------------------------------|--------------|
| Vô lăng bọc da                       | ●                              | ●            |
| Chất liệu ghế                        | Da                             | Da           |
| Ghế người lái chỉnh cơ               | -                              |              |
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●                              | ●            |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | -                              |              |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ   | -                              | ●            |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ●                              |              |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | ●                              |              |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | -                              |              |
| Hàng ghế trước có tính năng massage  | -                              |              |
| Tính năng cửa hít                    | -                              |              |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                              | ●            |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | 4.2"                           | TFT LCD 3.5" |
| Màn hình HUD                         | -                              |              |
| Màn hình giải trí trung tâm          | 10.25"                         | AVN 10.25"   |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | ●                              | ●            |
| Hệ thống điều hòa tự động            | ●                              | ●            |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | Tự động 2 vùng                 | 3            |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | ●                              | ●            |
| Chìa khóa thông minh                 | ●                              | ●            |
| Khởi động nút bấm                    | ●                              | ●            |
| Khởi động từ xa                      | ●                              | ●            |
| Hệ thống âm thanh                    | 6 loa                          | 6 Loa        |
| Lấy chuyển số                        | -                              |              |
| Sạc không dây Qi                     | -                              | ●            |
| Phanh đỗ điện tử                     | -                              |              |
| Giữ phanh tự động Autohold           | -                              |              |
| Đèn trang trí nội thất               | ●                              |              |
| Rèm che nắng                         | ●                              |              |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●                              |              |
| Trang bị khác                        | Gương chiếu hậu chống chói ECM |              |

#### AN TOÀN:

|                                                 |     |             |
|-------------------------------------------------|-----|-------------|
| Số túi khí                                      | 6   | 6           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●   | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●   | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●   | ●           |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●   | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●   | ●           |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●   | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●   | ●           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●   | ●           |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | n/a |             |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | ●   | Trước & Sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●   |             |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●   |             |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | -   |             |

|                                          |   |   |
|------------------------------------------|---|---|
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | - |   |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ● |   |
| Hệ thống điều khiển hành trình           | - | ● |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | - |   |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ● | ● |
| Camera lùi                               | ● | ● |